

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 219/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 27/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 16,17,18/4/2021

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTTCB377	Chu Hải Anh	13/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006363	CNTT/21/0360	Đạt	
2	CNTTCB378	Lê Đức Anh	20/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006364	CNTT/21/0361	Đạt	
3	CNTTCB379	Nguyễn Thị Lan Anh	05/11/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	DBG006365	CNTT/21/0362	Đạt	
4	CNTTCB380	Nguyễn Trần Thúy Anh	17/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,5	DBG006366	CNTT/21/0363	Đạt	
5	CNTTCB381	Trần Kim Anh	15/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,0	DBG006367	CNTT/21/0364	Đạt	
6	CNTTCB382	Võ Ngọc Anh	14/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,0	DBG006368	CNTT/21/0365	Đạt	
7	CNTTCB383	Mê Đức Bằng	28/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG006369	CNTT/21/0366	Đạt	
8	CNTTCB384	Ninh Thị Bằng	20/08/2002	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	6,5	5,0	DBG006370	CNTT/21/0367	Đạt	
9	CNTTCB385	Nông Thị Bình	23/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	DBG006371	CNTT/21/0368	Đạt	
10	CNTTCB386	Tô Văn Bình	01/07/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,5	6,0	DBG006372	CNTT/21/0369	Đạt	
11	CNTTCB387	Vương Văn Bình	06/12/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG006373	CNTT/21/0370	Đạt	
12	CNTTCB388	Nguyễn Việt Cánh	04/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006374	CNTT/21/0371	Đạt	
13	CNTTCB389	Nguyễn Đức Cảnh	10/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG006375	CNTT/21/0372	Đạt	
14	CNTTCB390	Lê Minh Chiến	20/05/1997	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	DBG006376	CNTT/21/0373	Đạt	
15	CNTTCB391	Nguyễn Thị Chúc	14/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,5	5,0	DBG006377	CNTT/21/0374	Đạt	
16	CNTTCB392	Nguyễn Cao Cương	27/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006378	CNTT/21/0375	Đạt	
17	CNTTCB393	Hoàng Văn Cường	17/06/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6,0	6,5	DBG006379	CNTT/21/0376	Đạt	
18	CNTTCB394	Nguyễn Mạnh Cường	15/10/2001	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG006380	CNTT/21/0377	Đạt	
19	CNTTCB395	Hoàng Văn Danh	13/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	DBG006381	CNTT/21/0378	Đạt	
20	CNTTCB396	Đổng Văn Diện	26/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG006382	CNTT/21/0379	Đạt	
21	CNTTCB397	Nguyễn Hữu Du	02/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006383	CNTT/21/0380	Đạt	
22	CNTTCB398	Chu Thị Dung	16/08/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	DBG006384	CNTT/21/0381	Đạt	
23	CNTTCB399	Đặng Phúc Dũng	09/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,7	5,0	DBG006385	CNTT/21/0382	Đạt	
24	CNTTCB400	Nguyễn Hoàng Anh Dũng	13/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG006386	CNTT/21/0383	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
25	CNTTCB401	Nguyễn Ngọc	Dũng	27/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG006387	CNTT/21/0384	Đạt	
26	CNTTCB402	Nguyễn Văn	Dũng	16/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG006388	CNTT/21/0385	Đạt	
27	CNTTCB403	Phan Hồng	Dũng	23/05/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	6,0	DBG006389	CNTT/21/0386	Đạt	
28	CNTTCB404	Hoàng Đức	Duy	15/04/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG006390	CNTT/21/0387	Đạt	
29	CNTTCB405	Vũ Nhật	Duy	28/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	DBG006391	CNTT/21/0388	Đạt	
30	CNTTCB406	Đặng Thị	Dương	25/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Dao	6,0	5,5	DBG006392	CNTT/21/0389	Đạt	
31	CNTTCB407	Lăng Minh	Dương	06/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG006393	CNTT/21/0390	Đạt	
32	CNTTCB408	Thào A	Dương	04/09/2002	Điện Biên	Nam	Mông	5,7	5,0	DBG006394	CNTT/21/0391	Đạt	
33	CNTTCB410	Tô Văn	Đang	22/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,0	DBG006395	CNTT/21/0392	Đạt	
34	CNTTCB411	Nguyễn Tiến	Đạt	04/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006396	CNTT/21/0393	Đạt	
35	CNTTCB412	Trần Tiến	Đạt	22/10/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	DBG006397	CNTT/21/0394	Đạt	
36	CNTTCB413	Lý Thị	Điện	03/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Sán Chỉ	6,2	5,0	DBG006398	CNTT/21/0395	Đạt	
37	CNTTCB414	Hoàng Thị	Đỉnh	29/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,5	DBG006399	CNTT/21/0396	Đạt	
38	CNTTCB415	Nông Thanh	Định	20/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	DBG006400	CNTT/21/0397	Đạt	
39	CNTTCB416	Tạ Minh	Đoàn	06/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006401	CNTT/21/0398	Đạt	
40	CNTTCB417	Lương Đình	Độ	31/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG006402	CNTT/21/0399	Đạt	
41	CNTTCB418	Nông Văn	Đông	01/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG006403	CNTT/21/0400	Đạt	
42	CNTTCB419	Hoàng Trung	Đức	14/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,5	DBG006404	CNTT/21/0401	Đạt	
43	CNTTCB420	Ngọc Văn	Đức	03/06/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006405	CNTT/21/0402	Đạt	
44	CNTTCB421	Triệu Văn	Hà	23/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG006406	CNTT/21/0403	Đạt	
45	CNTTCB422	Vì Thanh	Hà	24/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	DBG006407	CNTT/21/0404	Đạt	
46	CNTTCB423	Vì Xuân	Hải	12/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	DBG006408	CNTT/21/0405	Đạt	
47	CNTTCB424	Lăng Văn	Hanh	18/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG006409	CNTT/21/0406	Đạt	
48	CNTTCB425	Hoàng Mỹ	Hạnh	25/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,5	DBG006410	CNTT/21/0407	Đạt	
49	CNTTCB426	Nông Thị	Hảo	15/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	6,5	DBG006411	CNTT/21/0408	Đạt	
50	CNTTCB427	Nông Thị	Hằng	26/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	DBG006412	CNTT/21/0409	Đạt	
51	CNTTCB428	Triệu Văn	Hiển	23/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,5	5,5	DBG006413	CNTT/21/0410	Đạt	
52	CNTTCB429	Hoàng Văn	Hiệp	06/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG006414	CNTT/21/0411	Đạt	
53	CNTTCB430	Hoàng Văn	Hiếu	17/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG006415	CNTT/21/0412	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
54	CNTTCB431	Nguyễn Văn	Hiếu	30/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Diu	6,2	6,0	DBG006416	CNTT/21/0413	Đạt	
55	CNTTCB432	Lý Văn	Hiếu	23/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Sán Chi	6,2	6,0	DBG006417	CNTT/21/0414	Đạt	
56	CNTTCB433	Đặng Phúc	Hình	24/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,5	5,5	DBG006418	CNTT/21/0415	Đạt	
57	CNTTCB434	Triệu Phúc	Hình	01/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	5,5	DBG006419	CNTT/21/0416	Đạt	
58	CNTTCB435	Lâm Ngọc	Hữu	10/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG006420	CNTT/21/0417	Đạt	
59	CNTTCB436	Trần Xuân	Hòa	14/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG006421	CNTT/21/0418	Đạt	
60	CNTTCB437	Nguyễn Văn	Hoan	06/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG006422	CNTT/21/0419	Đạt	
61	CNTTCB438	Chu Thanh	Hoàn	11/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG006423	CNTT/21/0420	Đạt	
62	CNTTCB439	Nguyễn Thị Ngọc	Hoàn	18/12/1988	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	7,5	DBG006424	CNTT/21/0421	Đạt	
63	CNTTCB440	Dương Minh	Hoàng	04/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006425	CNTT/21/0422	Đạt	
64	CNTTCB441	Lăng Văn	Hoàng	24/06/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG006426	CNTT/21/0423	Đạt	
65	CNTTCB442	Nguyễn Việt	Hoàng	21/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG006427	CNTT/21/0424	Đạt	
66	CNTTCB443	Trần Việt	Hoàng	07/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG006428	CNTT/21/0425	Đạt	
67	CNTTCB444	Đào Xuân	Hoạt	27/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	7,0	DBG006429	CNTT/21/0426	Đạt	
68	CNTTCB445	Mạc Thị	Hội	21/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	DBG006430	CNTT/21/0427	Đạt	
69	CNTTCB446	Hoàng Văn	Hội	11/07/2001	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,5	DBG006431	CNTT/21/0428	Đạt	
70	CNTTCB447	Chu Thị	Hồng	29/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	6,0	DBG006432	CNTT/21/0429	Đạt	
71	CNTTCB448	Trần Văn	Hợp	07/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	5,5	6,0	DBG006433	CNTT/21/0430	Đạt	
72	CNTTCB449	Dương Thị	Huệ	18/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,5	DBG006434	CNTT/21/0431	Đạt	
73	CNTTCB450	Trần Thị	Huệ	13/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,0	DBG006435	CNTT/21/0432	Đạt	
74	CNTTCB451	Trần Thị	Huệ	04/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG006436	CNTT/21/0433	Đạt	
75	CNTTCB452	Dương Kim	Hùng	04/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	5,5	DBG006437	CNTT/21/0434	Đạt	
76	CNTTCB453	Hoàng Phi	Hùng	12/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	DBG006848	CNTT/21/0435	Đạt	
77	CNTTCB454	Âu Quang	Huy	18/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG006439	CNTT/21/0436	Đạt	
78	CNTTCB455	Dương Văn	Huy	06/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,0	DBG006440	CNTT/21/0437	Đạt	
79	CNTTCB456	Hoàng Quang	Huy	15/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	DBG006441	CNTT/21/0438	Đạt	
80	CNTTCB457	Hoàng Quang	Huy	16/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,5	DBG006442	CNTT/21/0439	Đạt	
81	CNTTCB458	Vũ Văn	Huy	30/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006443	CNTT/21/0440	Đạt	
82	CNTTCB459	Hứa Văn	Hung	19/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG006444	CNTT/21/0441	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
83	CNTTCB460	Nông Văn	Hung	08/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	DBG006445	CNTT/21/0442	Đạt	
84	CNTTCB461	Nguyễn Thị	Hương	14/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,0	DBG006446	CNTT/21/0443	Đạt	
85	CNTTCB462	Ngô Bích	Hường	24/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG006447	CNTT/21/0444	Đạt	
86	CNTTCB463	Lâm Văn	Khải	06/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Sán Chỉ	7,5	6,0	DBG006449	CNTT/21/0445	Đạt	
87	CNTTCB464	Vi Ngọc	Khánh	04/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	8,2	5,0	DBG006450	CNTT/21/0446	Đạt	
88	CNTTCB465	Lâm Văn	Khoa	07/11/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Chỉ	5,5	5,0	DBG006451	CNTT/21/0447	Đạt	
89	CNTTCB466	Vi Xuân	Khởi	18/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG006452	CNTT/21/0448	Đạt	
90	CNTTCB467	Hà Văn	Khuôi	05/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	DBG006448	CNTT/21/0449	Đạt	
91	CNTTCB468	Bàn Trung	Kiên	06/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,0	5,5	DBG006453	CNTT/21/0450	Đạt	
92	CNTTCB469	Lý Chí	Kiên	08/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006454	CNTT/21/0451	Đạt	
93	CNTTCB470	Vi Văn	Kiều	17/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG006455	CNTT/21/0452	Đạt	
94	CNTTCB471	Đặng Hữu	Kim	22/05/1999	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,7	6,0	DBG006456	CNTT/21/0453	Đạt	
95	CNTTCB472	Nguyễn Văn	Kính	25/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	DBG006457	CNTT/21/0454	Đạt	
96	CNTTCB473	Đỗ Xuân	Kỳ	17/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG006458	CNTT/21/0455	Đạt	
97	CNTTCB474	Hoàng Phúc	Lâm	30/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,7	5,0	DBG006459	CNTT/21/0456	Đạt	
98	CNTTCB475	Tô Văn	Lập	16/06/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6,0	5,0	DBG006460	CNTT/21/0457	Đạt	
99	CNTTCB476	Nông Thị	Liễu	29/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	DBG006461	CNTT/21/0458	Đạt	
100	CNTTCB477	Trần Thị	Loan	28/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,0	DBG006462	CNTT/21/0459	Đạt	
101	CNTTCB478	Đặng Tiến	Lộc	11/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	5,0	DBG006463	CNTT/21/0460	Đạt	
102	CNTTCB479	Hoàng Minh	Lộc	17/03/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG006464	CNTT/21/0461	Đạt	
103	CNTTCB480	Hoàng Văn	Luyện	13/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	DBG006465	CNTT/21/0462	Đạt	
104	CNTTCB481	Nông Thị	Luyện	15/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,5	DBG006466	CNTT/21/0463	Đạt	
105	CNTTCB482	Ngô Văn	Luyện	09/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	6,0	DBG006467	CNTT/21/0464	Đạt	
106	CNTTCB483	Lê Thị Quỳnh	Mai	25/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	5,0	DBG006468	CNTT/21/0465	Đạt	
107	CNTTCB484	Vũ Thị	Mĩ	21/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,0	DBG006469	CNTT/21/0466	Đạt	
108	CNTTCB485	Hoàng Công	Minh	29/06/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG006470	CNTT/21/0467	Đạt	
109	CNTTCB486	Hoàng Quang	Minh	29/01/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG006471	CNTT/21/0468	Đạt	
110	CNTTCB487	Hoàng Văn	Minh	09/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	DBG006472	CNTT/21/0469	Đạt	
111	CNTTCB488	Lê Quang	Minh	06/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006473	CNTT/21/0470	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
112	CNTTCB489	Nguyễn Quang	Minh	07/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	DBG006474	CNTT/21/0471	Đạt	
113	CNTTCB490	Phùn Văn	Minh	05/06/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6,2	5,5	DBG006475	CNTT/21/0472	Đạt	
114	CNTTCB491	Vương Văn	Minh	02/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,0	DBG006476	CNTT/21/0473	Đạt	
115	CNTTCB492	Phún Thị	Múi	26/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,2	5,5	DBG006477	CNTT/21/0474	Đạt	
116	CNTTCB493	Đồng Văn	Mùi	12/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006478	CNTT/21/0475	Đạt	
117	CNTTCB494	Lê Thắng	Mùi	08/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006479	CNTT/21/0476	Đạt	
118	CNTTCB495	Dương Văn	Nam	26/05/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG006480	CNTT/21/0477	Đạt	
119	CNTTCB496	Nguyễn Hoàng	Nam	05/12/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006481	CNTT/21/0478	Đạt	
120	CNTTCB497	Hoàng Văn	Nghĩa	16/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG006482	CNTT/21/0479	Đạt	
121	CNTTCB498	Ngô Văn	Nghĩa	06/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG006483	CNTT/21/0480	Đạt	
122	CNTTCB499	Vi Thị	Ngọc	09/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,0	DBG006484	CNTT/21/0481	Đạt	
123	CNTTCB500	Nguyễn Quang	Nguyên	08/01/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Diu	5,5	5,0	DBG006485	CNTT/21/0482	Đạt	
124	CNTTCB501	Nông Đức	Nguyên	08/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG006486	CNTT/21/0483	Đạt	
125	CNTTCB502	Lăng Văn	Nguyệt	20/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	DBG006487	CNTT/21/0484	Đạt	
126	CNTTCB503	Lành Thị	Nguyệt	23/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,0	5,0	DBG006488	CNTT/21/0485	Đạt	
127	CNTTCB504	Hoàng Văn	Nhập	14/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG006489	CNTT/21/0486	Đạt	
128	CNTTCB505	Hoàng Thị	Nhung	20/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	DBG006490	CNTT/21/0487	Đạt	
129	CNTTCB506	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,0	DBG006491	CNTT/21/0488	Đạt	
130	CNTTCB507	Trần Thị	Nhung	27/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG006492	CNTT/21/0489	Đạt	
131	CNTTCB508	Lý Văn	Như	01/12/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6,2	6,0	DBG006493	CNTT/21/0490	Đạt	
132	CNTTCB509	Nguyễn Thị	Nhường	26/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	5,5	DBG006494	CNTT/21/0491	Đạt	
133	CNTTCB510	Đặng Thị Vân	Oanh	20/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,2	5,5	DBG006495	CNTT/21/0492	Đạt	
134	CNTTCB511	Hoàng Đức	Oanh	24/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG006496	CNTT/21/0493	Đạt	
135	CNTTCB512	Nguyễn Thị	On	18/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	DBG006497	CNTT/21/0494	Đạt	
136	CNTTCB513	Nông Đình	Phan	13/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	DBG006498	CNTT/21/0495	Đạt	
137	CNTTCB514	Hoàng Gia	Phong	24/02/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,0	DBG006499	CNTT/21/0496	Đạt	
138	CNTTCB515	Hoàng Minh	Phú	28/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006500	CNTT/21/0497	Đạt	
139	CNTTCB516	Hoàng Thanh	Phương	12/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	DBG006501	CNTT/21/0498	Đạt	
140	CNTTCB517	Hoàng Thị Thu	Phương	08/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	DBG006502	CNTT/21/0499	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
141	CNTTCB518	Lăng Thị Hà	Phương	22/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	6,0	DBG006503	CNTT/21/0500	Đạt	
142	CNTTCB519	Đồng Minh	Quang	30/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	DBG006504	CNTT/21/0501	Đạt	
143	CNTTCB520	Hứa Văn	Quang	13/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006505	CNTT/21/0502	Đạt	
144	CNTTCB521	Ngô Hồng	Quang	14/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006506	CNTT/21/0503	Đạt	
145	CNTTCB522	Phương Văn	Quang	26/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG006507	CNTT/21/0504	Đạt	
146	CNTTCB523	Lương Hồng	Quân	08/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,0	DBG006508	CNTT/21/0505	Đạt	
147	CNTTCB524	Nông Đức	Quân	24/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	DBG006509	CNTT/21/0506	Đạt	
148	CNTTCB525	Nguyễn Bá	Quyền	31/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG006510	CNTT/21/0507	Đạt	
149	CNTTCB526	Nguyễn Xuân	Quyền	18/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,0	DBG006511	CNTT/21/0508	Đạt	
150	CNTTCB527	Lý Minh	Sang	03/07/2002	Bắc Giang	Nam	Dao	5,7	5,5	DBG006512	CNTT/21/0509	Đạt	
151	CNTTCB528	Hoàng Ngọc	Son	11/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006513	CNTT/21/0510	Đạt	
152	CNTTCB529	Hoàng Văn	Son	28/07/2002	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	6,0	DBG006514	CNTT/21/0511	Đạt	
153	CNTTCB530	Nguyễn Đức	Son	31/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG006515	CNTT/21/0512	Đạt	
154	CNTTCB531	Nguyễn Thanh	Son	28/01/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	5,0	DBG006516	CNTT/21/0513	Đạt	
155	CNTTCB532	Vì Văn	Son	25/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006517	CNTT/21/0514	Đạt	
156	CNTTCB533	Bế Đức	Tài	15/05/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG006519	CNTT/21/0515	Đạt	
157	CNTTCB534	Nguyễn Lương	Tài	04/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006520	CNTT/21/0516	Đạt	
158	CNTTCB535	Lăng Văn	Tám	29/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	DBG006521	CNTT/21/0517	Đạt	
159	CNTTCB536	Âu Văn	Tâm	07/10/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	DBG006522	CNTT/21/0518	Đạt	
160	CNTTCB537	Dương Văn	Tâm	07/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG006523	CNTT/21/0519	Đạt	
161	CNTTCB538	Hoàng Thị	Tem	08/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,5	DBG006524	CNTT/21/0520	Đạt	
162	CNTTCB539	Đào Hồng	Thái	02/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006525	CNTT/21/0521	Đạt	
163	CNTTCB540	Tô Văn	Thanh	19/05/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,7	6,0	DBG006526	CNTT/21/0522	Đạt	
164	CNTTCB541	Hoàng Văn	Thành	13/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	DBG006527	CNTT/21/0523	Đạt	
165	CNTTCB542	Phóng Văn	Thành	10/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG006528	CNTT/21/0524	Đạt	
166	CNTTCB543	Thào Đô	Thành	19/10/2002	Điện Biên	Nam	Mông	5,7	5,5	DBG006529	CNTT/21/0525	Đạt	
167	CNTTCB544	Thào Xuân	Thành	20/10/2003	Điện Biên	Nam	Mông	5,5	5,0	DBG006530	CNTT/21/0526	Đạt	
168	CNTTCB545	Vũ Tiến	Thành	14/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	DBG006531	CNTT/21/0527	Đạt	
169	CNTTCB546	Đặng Thu	Thảo	10/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,5	5,5	DBG006532	CNTT/21/0528	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
170	CNTTCB547	Hoàng Đức	Thắng	31/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	DBG006533	CNTT/21/0529	Đạt	
171	CNTTCB548	Hoàng Thành	Thật	06/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG006534	CNTT/21/0530	Đạt	
172	CNTTCB549	Sùng A	Thênh	30/07/2003	Điện Biên	Nam	Mông	5,7	5,5	DBG006535	CNTT/21/0531	Đạt	
173	CNTTCB550	Dương Kim	Thọ	16/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,7	6,0	DBG006536	CNTT/21/0532	Đạt	
174	CNTTCB551	Vương Thị	Thu	27/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,0	DBG006537	CNTT/21/0533	Đạt	
175	CNTTCB552	Đặng Hiếu	Thuận	15/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	5,5	DBG006538	CNTT/21/0534	Đạt	
176	CNTTCB553	Nguyễn Minh	Thuận	11/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	5,0	DBG006539	CNTT/21/0535	Đạt	
177	CNTTCB554	La Thị	Thúy	14/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,5	DBG006540	CNTT/21/0536	Đạt	
178	CNTTCB555	Lương Thị	Thùy	04/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,0	6,0	DBG006541	CNTT/21/0537	Đạt	
179	CNTTCB556	Nguyễn Thị	Thùy	03/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,0	DBG006542	CNTT/21/0538	Đạt	
180	CNTTCB557	Ma Văn	Thủy	02/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	DBG006543	CNTT/21/0539	Đạt	
181	CNTTCB558	Ma Văn	Thư	15/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	DBG006544	CNTT/21/0540	Đạt	
182	CNTTCB559	Tô Tiến	Thức	15/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006545	CNTT/21/0541	Đạt	
183	CNTTCB560	Lê Vinh	Tiến	21/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG006546	CNTT/21/0542	Đạt	
184	CNTTCB561	Ma Quang	Tiến	22/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG006547	CNTT/21/0543	Đạt	
185	CNTTCB562	Tăng Phúc	Tiến	14/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,7	5,5	DBG006548	CNTT/21/0544	Đạt	
186	CNTTCB563	Trần Văn	Tiếp	30/12/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6,0	5,5	DBG006549	CNTT/21/0545	Đạt	
187	CNTTCB564	Âu Văn	Tím	01/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006550	CNTT/21/0546	Đạt	
188	CNTTCB565	Lý Văn	Trọng	28/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG006551	CNTT/21/0547	Đạt	
189	CNTTCB566	Nguyễn Văn	Trường	07/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	DBG006552	CNTT/21/0548	Đạt	
190	CNTTCB567	Vy Văn	Trường	29/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	DBG006553	CNTT/21/0549	Đạt	
191	CNTTCB568	Nguyễn Văn	Trường	26/12/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	6,5	5,5	DBG006554	CNTT/21/0550	Đạt	
192	CNTTCB569	Lăng Văn	Tú	12/02/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG006555	CNTT/21/0551	Đạt	
193	CNTTCB570	Chang A	Tùa	01/12/2003	Điện Biên	Nam	Mông	5,5	5,0	DBG006556	CNTT/21/0552	Đạt	
194	CNTTCB571	Cao Anh	Tuấn	20/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG006557	CNTT/21/0553	Đạt	
195	CNTTCB572	Kiều Anh	Tuấn	19/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006558	CNTT/21/0554	Đạt	
196	CNTTCB573	Lương Ngọc	Tuấn	01/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG006559	CNTT/21/0555	Đạt	
197	CNTTCB574	Vì Anh	Tuấn	06/12/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,0	DBG006560	CNTT/21/0556	Đạt	
198	CNTTCB575	Bê Đức	Tùng	15/05/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,0	DBG006561	CNTT/21/0557	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
199	CNTTCB576	Đặng Thanh	Tùng	15/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG006562	CNTT/21/0558	Đạt	
200	CNTTCB577	Nông Văn	Tuyên	29/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG006563	CNTT/21/0559	Đạt	
201	CNTTCB578	Triệu Văn	Tuyên	17/09/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6,2	5,5	DBG006564	CNTT/21/0560	Đạt	
202	CNTTCB579	Dương Công	Tuyền	27/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG006565	CNTT/21/0561	Đạt	
203	CNTTCB580	Hoàng Minh	Tuyền	08/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	DBG006566	CNTT/21/0562	Đạt	
204	CNTTCB581	Đào Thị	Tươi	02/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,0	DBG006567	CNTT/21/0563	Đạt	
205	CNTTCB582	Tô Thị	Tươi	25/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	DBG006568	CNTT/21/0564	Đạt	
206	CNTTCB583	Nguyễn Văn	Tường	21/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG006569	CNTT/21/0565	Đạt	
207	CNTTCB584	Dương Thị Thu	Vân	13/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	DBG006570	CNTT/21/0566	Đạt	
208	CNTTCB585	Nguyễn Thị	Vân	28/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	6,0	DBG006571	CNTT/21/0567	Đạt	
209	CNTTCB586	Nông Thị	Vệ	30/03/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,0	DBG006572	CNTT/21/0568	Đạt	
210	CNTTCB587	Vi Đức	Việt	13/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006573	CNTT/21/0569	Đạt	
211	CNTTCB588	Vi Quốc	Việt	09/05/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	5,5	DBG006574	CNTT/21/0570	Đạt	
212	CNTTCB589	Lâm Văn	Vũ	02/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG006575	CNTT/21/0571	Đạt	
213	CNTTCB590	Lê Huy	Vũ	02/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG006576	CNTT/21/0572	Đạt	
214	CNTTCB591	Vi Văn	Vũ	21/05/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG006577	CNTT/21/0573	Đạt	
215	CNTTCB592	Đặng Phúc	Vượng	24/06/2000	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,5	5,0	DBG006578	CNTT/21/0574	Đạt	
216	CNTTCB593	Lục Văn	Vượng	13/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006579	CNTT/21/0575	Đạt	
217	CNTTCB594	Đặng Thị	Xuân	13/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Dao	5,7	5,5	DBG006580	CNTT/21/0576	Đạt	
218	CNTTCB595	Lý Văn	Xuân	20/07/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6,2	5,5	DBG006581	CNTT/21/0577	Đạt	
219	CNTTCB596	Chu Đức	Yên	08/01/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,5	DBG006582	CNTT/21/0578	Đạt	
220	CNTTCB597	Đặng Thị Hải	Yến	13/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG006583	CNTT/21/0579	Đạt	
221	CNTTCB598	Lăng Thị	An	06/05/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,0	DBG006584	CNTT/21/0580	Đạt	
222	CNTTCB599	Trần Văn	Anh	02/11/1980	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	7,5	DBG006585	CNTT/21/0581	Đạt	
223	CNTTCB600	Triệu Văn	Chung	08/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,7	7,5	DBG006586	CNTT/21/0582	Đạt	
224	CNTTCB601	Lê Văn	Giáp	23/08/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,5	DBG006587	CNTT/21/0583	Đạt	
225	CNTTCB602	Hoàng Thị	Hà	22/04/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	7,5	DBG006588	CNTT/21/0584	Đạt	
226	CNTTCB603	Vi Trung	Hiếu	13/06/1987	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,0	7,5	DBG006589	CNTT/21/0585	Đạt	
227	CNTTCB604	Phạm Văn	Hoài	25/10/1976	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	DBG006590	CNTT/21/0586	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
228	CNTTCB605	Đặng Thu	Huyền	01/10/1988	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,7	8,0	DBG006591	CNTT/21/0587	Đạt	
229	CNTTCB606	Tàng Thị	Kiên	11/10/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	DBG006592	CNTT/21/0588	Đạt	
230	CNTTCB607	Chu Thị	Lan	20/01/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	DBG006593	CNTT/21/0589	Đạt	
231	CNTTCB608	Phạm Thị	Mai	05/04/1976	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG006594	CNTT/21/0590	Đạt	
232	CNTTCB609	Lý Thị	Ngân	15/08/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,0	DBG006595	CNTT/21/0591	Đạt	
233	CNTTCB610	Trần Đại	Nghĩa	21/11/1983	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	7,0	DBG006596	CNTT/21/0592	Đạt	
234	CNTTCB611	Hà Thị	Quy	02/08/1971	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	7,5	DBG006597	CNTT/21/0593	Đạt	
235	CNTTCB612	Nông Thiên	Sơn	12/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,5	DBG006598	CNTT/21/0594	Đạt	
236	CNTTCB613	Nông Đại	Thế	03/06/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,0	7,0	DBG006599	CNTT/21/0595	Đạt	
237	CNTTCB614	Nguyễn Quyết	Thịnh	17/07/1987	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	7,5	DBG006600	CNTT/21/0596	Đạt	
238	CNTTCB615	Lộc Thanh	Thuận	22/03/1969	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG006601	CNTT/21/0597	Đạt	
239	CNTTCB616	Bành Ngọc	Thủy	21/02/1980	Lạng Sơn	Nữ	Hoa	8,0	7,5	DBG006602	CNTT/21/0598	Đạt	
240	CNTTCB617	Hoàng Thị	Thúy	29/03/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	8,0	DBG006603	CNTT/21/0599	Đạt	
241	CNTTCB618	Hứa Kim	Thùy	29/11/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	7,5	DBG006604	CNTT/21/0600	Đạt	
242	CNTTCB619	Nông Quang	Tú	19/05/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	DBG006605	CNTT/21/0601	Đạt	
243	CNTTCB620	Nguyễn Thanh	Tùng	10/06/1986	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,0	DBG006606	CNTT/21/0602	Đạt	
244	CNTTCB621	Hà Văn	Tùng	15/01/1993	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	7,5	DBG006607	CNTT/21/0603	Đạt	
245	CNTTCB622	Trịnh Thị	Tuyết	11/05/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	DBG006608	CNTT/21/0604	Đạt	
246	CNTTCB623	Lường Thúy	Xuân	14/02/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	DBG006609	CNTT/21/0605	Đạt	
247	CNTTCB624	Hoàng Diệu	Anh	27/08/1995	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	8,0	DBG006610	CNTT/21/0606	Đạt	
248	CNTTCB625	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/03/1992	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,7	7,5	DBG006611	CNTT/21/0607	Đạt	
249	CNTTCB626	Nông Thị Lan	Anh	13/07/1976	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	DBG006612	CNTT/21/0608	Đạt	
250	CNTTCB628	Dương Thị	Điêm	13/03/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,2	7,5	DBG006613	CNTT/21/0609	Đạt	
251	CNTTCB629	Hoàng Thị	Hằng	23/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	DBG006614	CNTT/21/0610	Đạt	
252	CNTTCB630	Hoàng Thị Thu	Hiền	16/04/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	7,5	DBG006615	CNTT/21/0611	Đạt	
253	CNTTCB631	Trần Huy	Hoàn	18/03/1981	Lạng Sơn	Nam	Kinh	9,0	8,5	DBG006616	CNTT/21/0612	Đạt	
254	CNTTCB632	Hà Thị	Hường	24/06/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,0	DBG006617	CNTT/21/0613	Đạt	
255	CNTTCB633	Lô Thị	Hường	09/02/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	DBG006618	CNTT/21/0614	Đạt	
256	CNTTCB634	Ví Thị	Liên	10/05/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	DBG006619	CNTT/21/0615	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
257	CNTTCB635	Hoàng Thị	Linh	12/09/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	DBG006620	CNTT/21/0616	Đạt	
258	CNTTCB636	Mã Trường	Long	13/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	DBG006621	CNTT/21/0617	Đạt	
259	CNTTCB637	Bế Thị Bích	Ngọc	07/07/1974	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	8,0	DBG006622	CNTT/21/0618	Đạt	
260	CNTTCB638	Đinh Văn	Sáu	09/01/1991	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,0	7,5	DBG006623	CNTT/21/0619	Đạt	
261	CNTTCB639	Đỗ Đình	Thao	04/08/1990	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	7,0	DBG006624	CNTT/21/0620	Đạt	
262	CNTTCB640	Đoàn Thái	Thịnh	01/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	7,0	DBG006625	CNTT/21/0621	Đạt	
263	CNTTCB641	Phạm Thị	Thu	18/08/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	7,5	DBG006626	CNTT/21/0622	Đạt	
264	CNTTCB642	Hoàng Thị Hà	Trang	19/01/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	DBG006627	CNTT/21/0623	Đạt	
265	CNTTCB643	Vi Ngọc	Trang	18/01/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	8,0	DBG006628	CNTT/21/0624	Đạt	
266	CNTTCB644	Triệu Quý	An	15/01/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6,0	5,5	DBG006629	CNTT/21/0625	Đạt	
267	CNTTCB645	Đàm Ngọc	Anh	23/11/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,7	5,0	DBG006630	CNTT/21/0626	Đạt	
268	CNTTCB646	Ngô Quỳnh	Anh	11/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006631	CNTT/21/0627	Đạt	
269	CNTTCB647	Vũ Đức Hoàng	Anh	26/02/2001	Bắc Giang	Nam	San Chí	5,5	5,5	DBG006632	CNTT/21/0628	Đạt	
270	CNTTCB648	Hoàng Xuân	Ánh	19/01/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,0	DBG006633	CNTT/21/0629	Đạt	
271	CNTTCB649	Ngô Ngọc	Ánh	27/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	DBG006634	CNTT/21/0630	Đạt	
272	CNTTCB650	Nông Thị	Ánh	06/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,0	5,5	DBG006635	CNTT/21/0631	Đạt	
273	CNTTCB651	Trần Gia	Bảo	19/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006636	CNTT/21/0632	Đạt	
274	CNTTCB652	Bế Văn	Bắc	12/12/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	6,0	5,0	DBG006637	CNTT/21/0633	Đạt	
275	CNTTCB653	Hoàng Văn	Bằng	02/08/2002	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,5	5,5	DBG006638	CNTT/21/0634	Đạt	
276	CNTTCB654	Trần Thị	Bích	16/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,0	DBG006639	CNTT/21/0635	Đạt	
277	CNTTCB655	Đặng Văn	Bình	14/08/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	5,7	5,0	DBG006640	CNTT/21/0636	Đạt	
278	CNTTCB656	La Thị Thúy	Cải	25/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,0	6,0	DBG006641	CNTT/21/0637	Đạt	
279	CNTTCB657	Mông Văn	Cam	15/08/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,7	5,5	DBG006642	CNTT/21/0638	Đạt	
280	CNTTCB658	Ban Thị	Cầu	18/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	7,2	5,0	DBG006643	CNTT/21/0639	Đạt	
281	CNTTCB659	Tô Minh	Chiến	28/09/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG006644	CNTT/21/0640	Đạt	
282	CNTTCB660	Lục Thị	Chính	09/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	5,5	5,0	DBG006645	CNTT/21/0641	Đạt	
283	CNTTCB661	Hà Văn	Chuẩn	21/08/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,0	DBG006646	CNTT/21/0642	Đạt	
284	CNTTCB662	Đặng Văn	Chung	20/05/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	5,2	5,5	DBG006647	CNTT/21/0643	Đạt	
285	CNTTCB663	Hoàng Thị	Chung	22/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	6,2	5,0	DBG006648	CNTT/21/0644	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
286	CNTTCB664	Lục Thị Chung	21/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	5,2	5,5	DBG006649	CNTT/21/0645	Đạt	
287	CNTTCB665	Mễ Văn Cương	02/01/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6,5	5,0	DBG006650	CNTT/21/0646	Đạt	
288	CNTTCB666	Nguyễn Văn Cường	18/06/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	5,5	DBG006651	CNTT/21/0647	Đạt	
289	CNTTCB667	Hoàng Thị Xuân Diệu	16/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	5,7	5,5	DBG006652	CNTT/21/0648	Đạt	
290	CNTTCB668	Nguyễn Thùy Dung	03/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,0	DBG006653	CNTT/21/0649	Đạt	
291	CNTTCB669	Khúc Mạnh Dũng	28/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,0	DBG006654	CNTT/21/0650	Đạt	
292	CNTTCB670	Trương Văn Dũng	21/04/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	5,7	5,5	DBG006655	CNTT/21/0651	Đạt	
293	CNTTCB671	Bùi Vũ Duy	10/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	5,0	DBG006656	CNTT/21/0652	Đạt	
294	CNTTCB672	Lương Văn Duy	16/12/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG006657	CNTT/21/0653	Đạt	
295	CNTTCB673	Lý Văn Duy	17/03/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	5,5	5,0	DBG006658	CNTT/21/0654	Đạt	
296	CNTTCB674	Mông Văn Duy	15/07/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6,0	5,5	DBG006659	CNTT/21/0655	Đạt	
297	CNTTCB675	Nguyễn Đức Duy	09/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,0	DBG006660	CNTT/21/0656	Đạt	
298	CNTTCB676	Khúc Thị Hàn Dương	04/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,0	5,5	DBG006661	CNTT/21/0657	Đạt	
299	CNTTCB677	Lã Quỳnh Dương	20/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,7	5,5	DBG006662	CNTT/21/0658	Đạt	
300	CNTTCB679	Hoàng Thị Đào	17/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	5,7	5,0	DBG006663	CNTT/21/0659	Đạt	
301	CNTTCB680	Lương Hải Đăng	08/11/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG006849	CNTT/21/0660	Đạt	
302	CNTTCB681	Lý Văn Điệp	08/08/2002	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,5	5,5	DBG006665	CNTT/21/0661	Đạt	
303	CNTTCB682	Phùng Văn Điệp	11/10/2002	Bắc Giang	Nam	Dao	6,0	5,5	DBG006666	CNTT/21/0662	Đạt	
304	CNTTCB683	Phùng Minh Đoàn	01/10/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6,7	5,0	DBG006667	CNTT/21/0663	Đạt	
305	CNTTCB684	Lý Văn Đông	21/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6,0	5,5	DBG006668	CNTT/21/0664	Đạt	
306	CNTTCB685	Trần Văn Đông	06/04/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,0	DBG006669	CNTT/21/0665	Đạt	
307	CNTTCB686	Hoàng Phúc Đức	17/11/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6,0	5,0	DBG006670	CNTT/21/0666	Đạt	
308	CNTTCB687	Hoàng Văn Đức	03/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,0	DBG006671	CNTT/21/0667	Đạt	
309	CNTTCB688	Nông Văn Đức	06/01/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG006672	CNTT/21/0668	Đạt	
310	CNTTCB689	Phạm Minh Đức	30/01/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG006673	CNTT/21/0669	Đạt	
311	CNTTCB690	Trần Minh Đức	22/02/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	7,0	5,0	DBG006674	CNTT/21/0670	Đạt	
312	CNTTCB691	Đặng Văn Được	11/05/2002	Bắc Giang	Nam	Dao	5,7	5,5	DBG006675	CNTT/21/0671	Đạt	
313	CNTTCB692	Nguyễn Văn Được	01/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	5,0	DBG006676	CNTT/21/0672	Đạt	
314	CNTTCB693	Trương Văn Được	21/01/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	5,7	5,0	DBG006677	CNTT/21/0673	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
315	CNTTCB694	Lê Đức Giang	13/04/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	5,5	5,5	DBG006678	CNTT/21/0674	Đạt	
316	CNTTCB695	Ngọc Thị Giang	14/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	DBG006679	CNTT/21/0675	Đạt	
317	CNTTCB696	Nguyễn Thị Giang	07/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	5,2	5,0	DBG006680	CNTT/21/0676	Đạt	
318	CNTTCB697	Vì Thị Giang	01/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,2	5,5	DBG006681	CNTT/21/0677	Đạt	
319	CNTTCB698	Trần Văn Giáp	05/05/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	5,2	5,5	DBG006682	CNTT/21/0678	Đạt	
320	CNTTCB699	Ngọc Thị Hà	27/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG006683	CNTT/21/0679	Đạt	
321	CNTTCB700	Trần Thanh Hà	26/06/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	5,5	6,0	DBG006684	CNTT/21/0680	Đạt	
322	CNTTCB701	Hoàng Văn Hải	27/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006685	CNTT/21/0681	Đạt	
323	CNTTCB702	Ngọc Thanh Hải	27/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG006686	CNTT/21/0682	Đạt	
324	CNTTCB703	Dương Thị Hào	01/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	6,5	6,0	DBG006687	CNTT/21/0683	Đạt	
325	CNTTCB704	Nguyễn Thị Hậu	15/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,0	DBG006688	CNTT/21/0684	Đạt	
326	CNTTCB705	Nguyễn Văn Hậu	03/05/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	5,0	DBG006689	CNTT/21/0685	Đạt	
327	CNTTCB706	Dương Minh Hiền	29/06/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG006690	CNTT/21/0686	Đạt	
328	CNTTCB707	Nịnh Văn Hiệp	03/10/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	5,5	5,5	DBG006691	CNTT/21/0687	Đạt	
329	CNTTCB708	Đỗ Minh Hiếu	18/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG006692	CNTT/21/0688	Đạt	
330	CNTTCB709	Giáp Văn Hiếu	23/03/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,2	6,0	DBG006693	CNTT/21/0689	Đạt	
331	CNTTCB710	Lý Thị Hoa	04/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	6,5	6,0	DBG006694	CNTT/21/0690	Đạt	
332	CNTTCB711	Nguyễn Thu Hoài	07/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,7	6,0	DBG006695	CNTT/21/0691	Đạt	
333	CNTTCB712	Mè Văn Hoàng	11/03/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6,0	5,5	DBG006696	CNTT/21/0692	Đạt	
334	CNTTCB713	Nịnh Văn Hoàng	24/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	5,7	5,0	DBG006697	CNTT/21/0693	Đạt	
335	CNTTCB714	Phan Văn Hoàng	30/06/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG006698	CNTT/21/0694	Đạt	
336	CNTTCB715	Đặng Văn Học	08/07/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	7,0	5,5	DBG006699	CNTT/21/0695	Đạt	
337	CNTTCB716	Mễ Văn Hội	28/01/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6,0	5,5	DBG006700	CNTT/21/0696	Đạt	
338	CNTTCB717	Hoàng Hữu Huân	08/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	DBG006701	CNTT/21/0697	Đạt	
339	CNTTCB718	Hoàng Văn Huân	03/12/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6,0	6,0	DBG006702	CNTT/21/0698	Đạt	
340	CNTTCB719	Hoàng Thị Huệ	19/04/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG006703	CNTT/21/0699	Đạt	
341	CNTTCB720	Hoàng Văn Hùng	03/02/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG006704	CNTT/21/0700	Đạt	
342	CNTTCB721	Nịnh Văn Hùng	12/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	5,5	5,5	DBG006705	CNTT/21/0701	Đạt	
343	CNTTCB722	Nông Đức Huy	28/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG006706	CNTT/21/0702	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
344	CNTTCB723	Tô Văn Huy	22/06/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,7	6,0	DBG006707	CNTT/21/0703	Đạt	
345	CNTTCB724	Vì Văn Huyền	18/04/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	7,0	6,5	DBG006518	CNTT/21/0704	Đạt	
346	CNTTCB725	Lý Văn Hưng	19/04/2002	Bắc Giang	Nam	Dao	5,7	6,0	DBG006708	CNTT/21/0705	Đạt	
347	CNTTCB726	Lâm Thị Hương	04/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	7,2	6,0	DBG006709	CNTT/21/0706	Đạt	
348	CNTTCB727	Đặng Thị Hường	27/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Dao	5,7	5,0	DBG006710	CNTT/21/0707	Đạt	
349	CNTTCB728	Kiều Đức Hưởng	02/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,0	DBG006711	CNTT/21/0708	Đạt	
350	CNTTCB729	Hà Minh Ka	23/12/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG006712	CNTT/21/0709	Đạt	
351	CNTTCB730	Vì Đức Khanh	25/02/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	5,2	6,0	DBG006713	CNTT/21/0710	Đạt	
352	CNTTCB731	Hoàng Quốc Khánh	08/06/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6,2	5,5	DBG006714	CNTT/21/0711	Đạt	
353	CNTTCB732	Hà Thị Khuyên	14/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Dao	5,2	6,0	DBG006715	CNTT/21/0712	Đạt	
354	CNTTCB733	Lương Trung Kiên	17/07/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	5,5	DBG006716	CNTT/21/0713	Đạt	
355	CNTTCB734	Vì Văn Kiên	05/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,0	DBG006717	CNTT/21/0714	Đạt	
356	CNTTCB735	Nịnh Văn Kỳ	07/11/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,7	6,0	DBG006718	CNTT/21/0715	Đạt	
357	CNTTCB736	Bế Văn Lân	27/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG006719	CNTT/21/0716	Đạt	
358	CNTTCB737	Dương Văn Long	13/07/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,5	DBG006720	CNTT/21/0717	Đạt	
359	CNTTCB738	Trần Văn Long	24/08/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	5,7	5,5	DBG006721	CNTT/21/0718	Đạt	
360	CNTTCB739	Hoàng Xuân Ly	01/01/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	7,2	5,5	DBG006722	CNTT/21/0719	Đạt	
361	CNTTCB740	Hứa Minh Lý	14/06/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG006723	CNTT/21/0720	Đạt	
362	CNTTCB741	Hoàng Thị Mai	15/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,6	5,5	DBG006724	CNTT/21/0721	Đạt	
363	CNTTCB742	Lài Văn Mạnh	20/06/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG006725	CNTT/21/0722	Đạt	
364	CNTTCB743	Nguyễn Đức Mạnh	17/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,5	DBG006726	CNTT/21/0723	Đạt	
365	CNTTCB744	Nịnh Văn Mạnh	10/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,5	DBG006727	CNTT/21/0724	Đạt	
366	CNTTCB745	Nịnh Văn Mạnh	20/08/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6,7	5,5	DBG006728	CNTT/21/0725	Đạt	
367	CNTTCB746	Lãnh Văn Minh	06/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG006729	CNTT/21/0726	Đạt	
368	CNTTCB747	Nông Văn Minh	05/03/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	5,7	5,5	DBG006730	CNTT/21/0727	Đạt	
369	CNTTCB748	Hoàng Văn Mùi	08/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG006731	CNTT/21/0728	Đạt	
370	CNTTCB749	Trần Thị Mùi	19/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	7,0	5,5	DBG006732	CNTT/21/0729	Đạt	
371	CNTTCB750	Đàm Văn Nam	29/09/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6,0	6,0	DBG006733	CNTT/21/0730	Đạt	
372	CNTTCB751	Ngô Văn Nam	30/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,7	5,5	DBG006734	CNTT/21/0731	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
373	CNTTCB752	Nguyễn Văn	Nam	04/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	DBG006735	CNTT/21/0732	Đạt	
374	CNTTCB753	Lý Thị	Nga	15/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	6,2	6,0	DBG006736	CNTT/21/0733	Đạt	
375	CNTTCB754	Nông Thị	Nga	13/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,0	5,5	DBG006737	CNTT/21/0734	Đạt	
376	CNTTCB755	Phùng Thị	Nga	22/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Dao	5,5	5,5	DBG006738	CNTT/21/0735	Đạt	
377	CNTTCB756	Phạm Thị	Ngân	20/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,0	DBG006739	CNTT/21/0736	Đạt	
378	CNTTCB757	Trần Văn	Ngọc	06/07/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	5,7	5,5	DBG006740	CNTT/21/0737	Đạt	
379	CNTTCB758	Nịnh Thị Minh	Nguyệt	15/11/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	7,0	6,0	DBG006741	CNTT/21/0738	Đạt	
380	CNTTCB759	Phùng Thị	Nguyệt	06/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Dao	5,7	5,5	DBG006742	CNTT/21/0739	Đạt	
381	CNTTCB760	Hoàng Thị	Nhàn	06/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	5,2	5,5	DBG006743	CNTT/21/0740	Đạt	
382	CNTTCB761	Đàm Văn	Nhân	04/05/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6,5	5,0	DBG006744	CNTT/21/0741	Đạt	
383	CNTTCB762	Ngô Thị	Nhung	26/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	5,5	5,5	DBG006745	CNTT/21/0742	Đạt	
384	CNTTCB763	Vì Thị	Nhung	17/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Dao	5,7	6,0	DBG006746	CNTT/21/0743	Đạt	
385	CNTTCB764	Chu Thị Kim	Oanh	14/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	5,7	6,0	DBG006747	CNTT/21/0744	Đạt	
386	CNTTCB765	Mễ Văn	Phong	20/01/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	6,5	6,0	DBG006748	CNTT/21/0745	Đạt	
387	CNTTCB766	Lý Thị	Phương	20/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	5,7	5,5	DBG006749	CNTT/21/0746	Đạt	
388	CNTTCB767	Phùng Bích	Phương	26/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,0	DBG006750	CNTT/21/0747	Đạt	
389	CNTTCB768	Lục Thị	Phượng	09/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	5,7	5,5	DBG006751	CNTT/21/0748	Đạt	
390	CNTTCB769	Bế Văn	Quang	10/09/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	6,0	DBG006752	CNTT/21/0749	Đạt	
391	CNTTCB770	Hoàng Quốc	Quý	30/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6,0	5,0	DBG006755	CNTT/21/0750	Đạt	
392	CNTTCB771	Đặng Phúc	Quý	10/05/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	5,2	5,0	DBG006756	CNTT/21/0751	Đạt	
393	CNTTCB772	Hoàng Văn	Quý	07/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	5,5	DBG006757	CNTT/21/0752	Đạt	
394	CNTTCB773	Nguyễn Trung	Quyết	03/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,5	DBG006758	CNTT/21/0753	Đạt	
395	CNTTCB774	Phan Thị	Sen	18/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	6,0	5,5	DBG006759	CNTT/21/0754	Đạt	
396	CNTTCB775	Trương Thị	Sinh	11/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	5,7	6,0	DBG006760	CNTT/21/0755	Đạt	
397	CNTTCB776	Nịnh Đức	Tâm	20/08/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	5,7	6,0	DBG006761	CNTT/21/0756	Đạt	
398	CNTTCB777	Lê Hồng	Thái	26/12/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	7,0	5,5	DBG006762	CNTT/21/0757	Đạt	
399	CNTTCB778	Nịnh Văn	Thanh	05/01/2003	Bắc Giang	Nam	San Chí	6,0	5,0	DBG006763	CNTT/21/0758	Đạt	
400	CNTTCB779	Trần Thị	Thanh	06/01/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,7	5,5	DBG006764	CNTT/21/0759	Đạt	
401	CNTTCB780	Hoàng Thị	Thao	04/09/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,0	5,5	DBG006765	CNTT/21/0760	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
402	CNTTCB781	Hoàng Thị	Thảo	24/02/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG006766	CNTT/21/0761	Đạt	
403	CNTTCB782	Ban Thị	Thắm	14/09/2002	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	6,0	5,5	DBG006767	CNTT/21/0762	Đạt	
404	CNTTCB783	Nông Quyết	Thắng	21/07/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	5,5	DBG006768	CNTT/21/0763	Đạt	
405	CNTTCB784	Thân Văn	Thắng	08/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006769	CNTT/21/0764	Đạt	
406	CNTTCB785	Chu Văn	Thế	20/07/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG006770	CNTT/21/0765	Đạt	
407	CNTTCB786	Vì Thị	Thị	23/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG006771	CNTT/21/0766	Đạt	
408	CNTTCB787	Ngọc Văn	Thiện	21/07/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006772	CNTT/21/0767	Đạt	
409	CNTTCB788	Đặng Văn	Thịnh	13/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,2	5,5	DBG006773	CNTT/21/0768	Đạt	
410	CNTTCB789	Ninh Thị	Thơ	28/09/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,5	5,0	DBG006774	CNTT/21/0769	Đạt	
411	CNTTCB790	Ngọc Thị	Thom	24/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG006775	CNTT/21/0770	Đạt	
412	CNTTCB791	Bế Văn	Thu	08/08/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	6,0	DBG006776	CNTT/21/0771	Đạt	
413	CNTTCB792	Ngọc Thị	Thu	20/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,0	DBG006777	CNTT/21/0772	Đạt	
414	CNTTCB793	Trần Văn	Thuận	15/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	6,0	DBG006778	CNTT/21/0773	Đạt	
415	CNTTCB794	Ngọc Thị	Thúy	04/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,5	DBG006779	CNTT/21/0774	Đạt	
416	CNTTCB795	Mộc Thị	Thùy	18/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,2	6,0	DBG006780	CNTT/21/0775	Đạt	
417	CNTTCB796	Ngô Văn	Thủy	25/01/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG006781	CNTT/21/0776	Đạt	
418	CNTTCB797	Lý Thị	Thức	09/07/2002	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	5,5	6,0	DBG006782	CNTT/21/0777	Đạt	
419	CNTTCB798	Mã Thị	Thương	29/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,0	5,5	DBG006783	CNTT/21/0778	Đạt	
420	CNTTCB799	Ngọc Xuân	Thưởng	01/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	6,0	DBG006784	CNTT/21/0779	Đạt	
421	CNTTCB800	Trương Văn	Tiến	03/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6,5	6,5	DBG006785	CNTT/21/0780	Đạt	
422	CNTTCB801	Lục Văn	Tính	16/01/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6,7	5,5	DBG006786	CNTT/21/0781	Đạt	
423	CNTTCB802	Bế Minh	Toàn	09/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG006787	CNTT/21/0782	Đạt	
424	CNTTCB803	Chu Đình Như	Trang	09/12/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	6,0	DBG006788	CNTT/21/0783	Đạt	
425	CNTTCB804	Nguyễn Huyền	Trang	02/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,0	DBG006789	CNTT/21/0784	Đạt	
426	CNTTCB805	Nguyễn Thủy	Trang	30/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	DBG006790	CNTT/21/0785	Đạt	
427	CNTTCB806	Vy Thị Thủy Trang	Trang	16/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,0	6,0	DBG006791	CNTT/21/0786	Đạt	
428	CNTTCB807	Bế Văn	Triều	03/09/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,7	5,5	DBG006792	CNTT/21/0787	Đạt	
429	CNTTCB808	Nguyễn Thị	Trúc	01/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	DBG006793	CNTT/21/0788	Đạt	
430	CNTTCB809	Nguyễn Văn	Trung	01/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG006794	CNTT/21/0789	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
431	CNTTCB810	Vi Văn	Trung	26/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG006795	CNTT/21/0790	Đạt	
432	CNTTCB811	Lương Thị Thanh	Truyền	08/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	5,5	6,0	DBG006796	CNTT/21/0791	Đạt	
433	CNTTCB812	Nguyễn Đa	Trường	17/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG006797	CNTT/21/0792	Đạt	
434	CNTTCB813	Nguyễn Anh	Tú	04/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG006798	CNTT/21/0793	Đạt	
435	CNTTCB814	Nguyễn Ngọc	Tú	29/01/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	7,0	5,5	DBG006799	CNTT/21/0794	Đạt	
436	CNTTCB815	Vũ Văn	Tú	01/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG006800	CNTT/21/0795	Đạt	
437	CNTTCB816	Hoàng Hùng	Tuân	11/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,2	6,0	DBG006801	CNTT/21/0796	Đạt	
438	CNTTCB817	Hoàng Văn	Tuấn	09/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6,5	5,5	DBG006802	CNTT/21/0797	Đạt	
439	CNTTCB818	Hoàng Văn	Tuấn	14/05/2002	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,5	6,0	DBG006803	CNTT/21/0798	Đạt	
440	CNTTCB819	Ngô Đức	Tuấn	07/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG006804	CNTT/21/0799	Đạt	
441	CNTTCB820	Lục Tiểu Linh	Tùng	30/10/2002	Bắc Giang	Nam	Hoa	5,7	5,5	DBG006805	CNTT/21/0800	Đạt	
442	CNTTCB821	Bế Thị	Uyên	11/12/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG006806	CNTT/21/0801	Đạt	
443	CNTTCB822	Nguyễn Thành	Văn	02/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG006807	CNTT/21/0802	Đạt	
444	CNTTCB823	Đinh Văn	Vân	28/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	7,2	6,0	DBG006808	CNTT/21/0803	Đạt	
445	CNTTCB824	Nguyễn Quốc	Việt	29/10/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	5,7	5,5	DBG006809	CNTT/21/0804	Đạt	
446	CNTTCB825	La Quang	Vinh	07/05/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	5,0	DBG006810	CNTT/21/0805	Đạt	
447	CNTTCB826	Vi Văn	Bút	04/07/1968	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	DBG006811	CNTT/21/0806	Đạt	
448	CNTTCB827	Lương Văn	Công	10/02/1988	Bắc Giang	Nam	Tày	7,5	5,5	DBG006812	CNTT/21/0807	Đạt	
449	CNTTCB828	Cao Thị	Dung	16/06/1979	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,2	7,5	DBG006813	CNTT/21/0808	Đạt	
450	CNTTCB829	Nguyễn Thị	Hiền	15/04/1971	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,5	7,5	DBG006814	CNTT/21/0809	Đạt	
451	CNTTCB831	Hứa Thị	Giang	27/09/1988	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,2	5,5	DBG006815	CNTT/21/0810	Đạt	
452	CNTTCB832	Nguyễn Thị Bích	Hà	14/10/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,5	DBG006816	CNTT/21/0811	Đạt	
453	CNTTCB833	Nguyễn Thế	Hiền	05/12/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,0	DBG006817	CNTT/21/0812	Đạt	
454	CNTTCB834	Ngọc Thị	Hiếu	27/03/1978	Bắc Giang	Nữ	Tày	8,2	5,5	DBG006818	CNTT/21/0813	Đạt	
455	CNTTCB835	Nguyễn Trung	Huyền	19/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	DBG006819	CNTT/21/0814	Đạt	
456	CNTTCB836	Đỗ Thu	Huyền	23/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG006820	CNTT/21/0815	Đạt	
457	CNTTCB837	Mã Thị	Huyền	12/01/1986	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,7	5,5	DBG006821	CNTT/21/0816	Đạt	
458	CNTTCB838	Nguyễn Thị Liên	Hương	12/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG006822	CNTT/21/0817	Đạt	
459	CNTTCB839	Nông Thị	Hương	27/08/1980	Bắc Giang	Nữ	Tày	8,7	5,5	DBG006823	CNTT/21/0818	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
460	CNTTCB840	Thân Thị Hương	08/01/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	5,5	DBG006824	CNTT/21/0819	Đạt	
461	CNTTCB841	Bế Thị Hường	29/08/1980	Bắc Giang	Nữ	Tày	8,0	6,0	DBG006825	CNTT/21/0820	Đạt	
462	CNTTCB842	Hà Thị Lan	30/01/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	5,0	DBG006826	CNTT/21/0821	Đạt	
463	CNTTCB843	Nông Văn Long	24/02/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	5,5	DBG006827	CNTT/21/0822	Đạt	
464	CNTTCB844	Nguyễn Thị Lợi	23/03/1985	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,5	5,0	DBG006828	CNTT/21/0823	Đạt	
465	CNTTCB845	Nông Thị Lựu	12/03/1988	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,5	6,0	DBG006829	CNTT/21/0824	Đạt	
466	CNTTCB846	Trần Văn Ly	11/10/1986	Bắc Giang	Nam	Tày	7,2	6,5	DBG006830	CNTT/21/0825	Đạt	
467	CNTTCB847	Nguyễn Văn Mô	15/04/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	5,0	DBG006831	CNTT/21/0826	Đạt	
468	CNTTCB848	Nguyễn Thị Nga	23/03/1979	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,2	5,5	DBG006832	CNTT/21/0827	Đạt	
469	CNTTCB849	Vì Thị Hằng	14/10/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	5,0	DBG006833	CNTT/21/0828	Đạt	
470	CNTTCB850	Ngô Thị Oanh	31/08/1983	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,5	5,0	DBG006834	CNTT/21/0829	Đạt	
471	CNTTCB851	Lưu Tiểu Phương	25/08/1994	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,7	5,5	DBG006835	CNTT/21/0830	Đạt	
472	CNTTCB852	Nguyễn Ngọc Quang	27/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG006836	CNTT/21/0831	Đạt	
473	CNTTCB854	Hoàng Anh Thảo	02/02/1989	Bắc Giang	Nam	Tày	7,7	5,0	DBG006837	CNTT/21/0832	Đạt	
474	CNTTCB855	Phạm Thị Thạch Thảo	04/12/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,5	DBG006838	CNTT/21/0833	Đạt	
475	CNTTCB856	Lý Thị Phương Thoa	13/08/1989	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	8,2	5,5	DBG006839	CNTT/21/0834	Đạt	
476	CNTTCB857	Nguyễn Thị Thuỷ	14/10/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	5,5	DBG006840	CNTT/21/0835	Đạt	
477	CNTTCB858	Lê Thị Trân	02/09/1979	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7,5	6,0	DBG006841	CNTT/21/0836	Đạt	
478	CNTTCB859	Khúc Văn Tý	16/10/1972	Bắc Giang	Nam	Tày	7,2	5,0	DBG006842	CNTT/21/0837	Đạt	
479	CNTTCB860	Thân Thị Vân	22/09/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	5,5	DBG006843	CNTT/21/0838	Đạt	
480	CNTTCB861	Mông Văn Vĩnh	11/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6,5	5,0	DBG006844	CNTT/21/0839	Đạt	
481	CNTTCB862	Hoàng Thị Ngọc Vui	23/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,2	6,0	DBG006845	CNTT/21/0840	Đạt	
482	CNTTCB863	Đặng Văn Xuân	08/01/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6,0	5,0	DBG006846	CNTT/21/0841	Đạt	
483	CNTTCB864	Phan Văn Xuân	25/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,7	6,0	DBG006847	CNTT/21/0842	Đạt	
484	CNTTCB865	Trần Thị Xuân	10/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	6,2	5,5	DBG006850	CNTT/21/0843	Đạt	
485	CNTTCB866	Trần Văn Yên	26/08/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6,5	6,0	DBG006851	CNTT/21/0844	Đạt	

Danh sách gồm 485 người./.